TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẠ HÒA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27/4/2021
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HÒA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ Thường
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Duy Việt
2. Bà Phạm Thị Quý

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Tứ – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa tham gia phiên tòa: Bà Đinh Phương Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2020/TLST-HNGĐ , ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐ-ST, ngày 30 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn C, sinh năm 1982
Cư trú tại: Thôn 04, X, xã B, huyện T, thành phố Hải Phòng
- *Bị đơn:* Chị Tống Thị Ánh H, sinh năm 1993
Cư trú tại: Khu 03, xã G, huyện H, tỉnh Phú Thọ
Anh C có mặt, chị H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là anh Phạm Văn C trình bày:

Anh kết hôn với chị H ngày 04/5/2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, thành phố Hải Phòng. Sau ngày cưới chị H về chung sống cùng anh tại huyện T, thành phố Hải Phòng. Nhưng do mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, nên chỉ được hai tháng sau chị H đã về quê ở xã G, huyện H, tỉnh Phú Thọ ở từ đó cho đến nay. Vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ không liên lạc gì với nhau nữa. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng trầm trọng, kéo dài, không thể đoàn tụ được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

- Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung, công sứcc đóng góp: Anh C xác định không có.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn là chị Tống Thị Ánh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt. Qua xác minh tại địa phương xã G, huyện H và bà Nguyễn Thị L là bà nội chị H cho biết: Anh C và chị H kết hôn năm 2011 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại quê anh C. Sau khi kết hôn chị H về chung sống cùng nhà anh C. Vợ chồng chỉ hòa thuận được khoảng 02 tháng thì xảy ra mâu thuẫn nên chị H bỏ về ở cùng bà L (bố mẹ chị H đã ly hôn, chị H ở cùng bà L từ nhỏ) từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau nữa. Vợ chồng chị H không có con chung, không có tài sản chung. Việc anh C xin ly hôn chị H có biết, nhưng chị đi lao động tự do nên không về. Tòa án giao các văn bản tố tụng cho bà L để bà L giao cho chị H, nhưng bà L không nhận, vì bà xác định đây là việc riêng của chị H và anh C, không liên quan đến bà. Đại diện chính quyền địa phương đề nghị Tòa án căn cứ điều kiện thực tế của vợ chồng chị H, anh C giải quyết vụ án, đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phạm Văn C và chị Tống Thị Ánh H.

- Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Anh C xác nhận không có nên không phải giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh C phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn là anh Phạm Văn C cư trú tại xã B, huyện T, thành phố Hải Phòng khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là chị Tống Thị Ánh H, cư trú tại xã G, huyện H, tỉnh Phú Thọ, đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn là chị Tống Thị Ánh H đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị H theo quy định.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn C và chị Tống Thị Ánh H kết hôn với nhau vào năm 2011, trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, thành phố Hải Phòng, đây là một hôn nhân

hợp pháp. Hai bên chung sống hòa thuận được khoảng 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Từ năm 2011 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chính quyền địa phương và gia đình chị H cũng xác nhận mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị H đã căng thẳng, trầm trọng kéo dài, mục đích xây dựng một gia đình hạnh phúc, bền vững không đạt được. Do vậy việc anh C xin ly hôn chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Anh C và chị H không có nên không phải giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Anh C xác nhận không có nên không phải giải quyết. Nếu sau này chị H chứng minh có tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp và có đơn yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh C phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phạm Văn C và chị Tống Thị Ánh H.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Không phải giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Phạm Văn C phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền anh C phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: AA/2020/0002539, ngày 15/12/2020, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa. Anh C đã nộp đủ án phí.

Anh C có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Hạ Hòa;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Lê Vũ Thường